

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA CHỦ HỌ THEO PHÁP LUẬT DÂN SỰ HIỆN HÀNH - MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ GÓP Ý HOÀN THIỆN

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO*

Họ, hội, biêu, phường là hình thức vay vốn giữa các cá nhân trong xã hội. Pháp luật nước ta đã bổ sung nhiều quy định mới và chặt chẽ về trách nhiệm pháp lý của chủ họ trong Nghị định số 19/2019/NĐ-CP về Họ, hội, biêu, phường. Bài viết phân tích trách nhiệm pháp lý của chủ họ và đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật cho chế định này.

Từ khoá: Họ, hội, biêu, phường; trách nhiệm pháp lý; chủ họ.

Ngày nhận bài: 19/3/2021; Biên tập xong: 29/3/2021; Duyệt đăng: 18/4/2021

“Họ, hội, biêu, phường” is a form of personal loan in society prescribed in legal system. Decree No.19/2019/ND-CP on “Họ, hội, biêu, phường” have added many new regulations on the legal responsibilities of the leader. The article analyzes the legal responsibilities of the leader and proposing solutions to improve this institution.

Keywords: “Họ, hội, biêu, phường”; legal responsibility; leader.

1. Một số vấn đề chung về họ, hội, biêu, phường

Các giao dịch dân sự phát sinh trong đời sống rất đa dạng, phong phú, qua đó nhằm đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt, kinh doanh, sản xuất của các chủ thể trong xã hội. Có những giao dịch mang tính chất hiện đại mới được phát sinh trong những năm gần đây; và ngược lại, có những giao dịch được hình thành từ trong dân gian và việc điều chỉnh tuân theo các tập quán vùng miền. Họ, hội, biêu, phường chính là một trong những giao dịch đó, trải qua một thời gian dài lịch sử hình thành, phát triển và tồn tại đến ngày nay.

Họ, hội, biêu, phường là các tên gọi khác nhau của một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán, tồn tại từ lâu và khá phổ biến ở nước ta. Ở miền Bắc thường gọi là họ, ở miền Nam gọi là hội, còn miền Trung hay gọi là biêu, là phường¹. Trong các văn bản pháp luật như Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005, BLDS năm 2015, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về họ, hội, biêu, phường đều thống nhất một cách gọi chung trong văn bản cho loại giao dịch này là “họ”.

Trong Từ điển bách khoa Việt Nam, khái niệm “họ” được giải thích như sau: Họ (còn

gọi là hội, hội, huê), lúc đầu là một tổ chức do một số người thân quen giúp đỡ nhau làm ăn bằng cách góp vốn cho nhau và lập ra một “hội tiên” để hàng tháng mỗi người góp một số tiền nhất định đã được mọi người tham gia ấn định, và lần lượt mỗi thành viên nhận toàn bộ hay một phần khoản vốn đó. Hội tiên phát triển thành họ, từ hình thức bốc thăm đến hình thức trả hoa hồng (huê hồng). Chơi họ nguyên là một hình thức tương trợ trong nhân dân, dần dần trở thành một hình thức tiết kiệm vốn, sử dụng vốn nhàn rỗi và là một hình thức tín dụng, với một mức lãi khiêm tốn do họ tự định². Khi một người đứng ra tổ chức chơi họ kêu gọi nhiều người khác tham gia đóng góp thì người đứng ra sẽ được gọi là “chủ họ”, những người tham gia đóng góp thì gọi là “con họ”, cả một hệ thống sẽ được gọi là “dây họ”. Chủ họ có nhiệm vụ mỗi tháng đi thu tiền họ của các con họ, gọi là “đóng họ”.

Họ có nguồn gốc từ trong dân gian và ngày càng trở nên phổ biến trong xã hội. Kể cả đến thời điểm hiện nay, họ vẫn là một trong những hình thức huy động vốn hữu ích của các cá nhân trong xã hội. Đây cũng là lý do để các nhà lập pháp ghi nhận chính thức về họ trong BLDS năm 2005 tại Điều 479. Nhằm tạo cơ sở pháp lý cụ thể và rõ ràng về họ, đến năm 2006, việc tham gia họ, hội, biêu,

¹ Trần Văn Biên (Viện Nhà nước và Pháp luật), *Họ, hội, biêu, phường trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Quá khứ và hiện tại*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3, Tiểu ban Pháp luật Việt Nam.

* *Tiến sĩ, Trường Đại học Phenikaa*

² Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (2002), *Từ điển bách khoa Việt nam tập 2*, Nxb từ điển bách khoa, Hà Nội, tr.309.

phường được quy định hướng dẫn thông qua Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006. Hiện nay, họ được tiếp tục ghi nhận trong BLDS năm 2015 tại Điều 471 như sau:

“Họ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”.

Định nghĩa trên được kế thừa nguyên vẹn từ Điều 479 BLDS năm 2005 mà không có bất cứ sự sửa đổi, bổ sung nào. Ngoài BLDS năm 2015, hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 19/2019/NĐ-CP về Họ, hội, biểu, phường để thay thế cho Nghị định số 144/2006/NĐ-CP. So với Nghị định số 144/2006/NĐ-CP thì Nghị định số 19/2019/NĐ-CP có nhiều điểm mới như: Bỏ quy định về họ đầu thảo; bổ sung quy định về điều kiện làm thành viên, làm chủ họ; bỏ hình thức thoả thuận dây họ bằng miệng; quy định rõ hơn về nội dung văn bản thoả thuận về dây họ; bổ sung quy định về gia nhập họ, rút khỏi họ, chấm dứt họ; bổ sung quy định mới về giới hạn lãi suất lĩnh họ, trong họ có lãi, lãi suất trong trường hợp chậm đóng góp phần họ trong quan hệ họ có lãi và họ không có lãi... Bên cạnh đó, Nghị định mới đã ghi nhận rõ ràng về vai trò cũng như trách nhiệm của chủ họ trong dây họ. Điều này là cần thiết và quan trọng khi thực tiễn xảy ra nhiều vụ võ họ do chủ họ lạm quyền, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên khác trong dây họ.

Qua định nghĩa và các quy định về họ được ghi nhận trong BLDS năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, họ có một số đặc trưng pháp lý sau đây:

Thứ nhất, họ là một giao dịch dân sự vì họ thể hiện ý chí của các chủ thể trong giao dịch nhằm làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ.

Thứ hai, họ là hợp đồng, do đó, cơ sở hình thành họ là theo thoả thuận, không có yếu tố thoả thuận thì không thể hình thành được dây họ. Các hợp đồng trong BLDS đều được quy định “là sự thoả thuận giữa các bên” thì đối với định nghĩa về họ, hội được xác định là sự thoả thuận của một nhóm người – tức yếu tố về số lượng người mang tính chất định lượng chung chung hơn và thể hiện sự đồng chủ thể hơn so với các hợp đồng khác.

Hiện nay, các nhà lập pháp nước ta nhìn nhận họ là một trong những loại của hợp đồng vay tài sản. Điều này cũng lý giải vị trí kết cấu của họ luôn được đặt chung trong mục quy định về hợp đồng vay tài sản tại BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015. Về bản chất, họ chính là hợp đồng vay tài sản nhiều người. Theo đó, các thành viên trong dây họ đóng tiền họ cho thành viên được lĩnh họ nhận tiền tại kỳ mở họ. Trong mối quan hệ này, các thành viên đóng họ được coi là chủ thể cho vay; còn người lĩnh họ được coi là bên vay tài sản. Sau đó, thành viên đã lĩnh họ phải đóng họ vào các kỳ mở họ tiếp theo để chủ thể khác lĩnh họ - bản chất của hành vi này giống với việc trả nợ cho bên cho vay tài sản.

Thứ ba, giống như hợp đồng vay tài sản, họ có thể có đền bù hoặc họ không có đền bù. Họ có đền bù là những họ có lãi, tức là bên cạnh khoản tiền họ phải đóng, các thành viên lĩnh họ còn phải trả thêm khoản tiền lãi cho những chủ thể lĩnh họ sau. Họ không có đền bù là những họ không có lãi, các thành viên trong họ chỉ phải đóng tiền họ mà không phải đóng thêm khoản tiền lãi dù lĩnh họ theo bất cứ thứ tự nào. Họ không có đền bù thể hiện rõ sự tương thân, giúp đỡ nhau về nguồn vốn giữa những người tham gia dây họ.

Có thể thấy, nền kinh tế nước ta hiện nay đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, nhiều người cần huy động vốn nhanh để đầu tư kinh doanh, trong khi việc vay vốn ở các ngân hàng và tổ chức tín dụng còn một số hạn chế như thủ tục phiền hà, cần thế chấp hoặc cầm cố tài sản. Một số khác có đồng vốn nhàn rỗi, nhưng không có nhu cầu kinh doanh, không muốn gửi ngân hàng nhưng vẫn muốn đồng tiền sinh lãi, khi cần lại có thể rút vốn nhanh chứ không bị ràng buộc như hợp đồng vay tài sản. Một số người khác, đời sống đang gặp khó khăn, muốn có một hình thức tiết kiệm hiệu quả để cải thiện đời sống của mình... Tất cả những mong muốn nêu trên đều có thể được đáp ứng khi tham gia giao dịch hội³.

2. Trách nhiệm pháp lý của chủ họ và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của chủ họ

Chủ họ là người tổ chức, quản lý dây họ,

³ Phạm Ngọc Bình (2017), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải quyết tranh chấp nợ hội tại tỉnh Trà Vinh”, Báo cáo tổng kết Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Trà Vinh.

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA CHỦ HỘ THEO PHÁP LUẬT...

thu các phần hộ và giao các phần hộ đó cho thành viên được lĩnh hộ trong mỗi kỳ mở hộ cho tới khi kết thúc dây hộ (khoản 3 Điều 4 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP). Chủ hộ có vai trò đặc biệt quan trọng trong dây hộ từ hoạt động thiết lập dây hộ đến các hoạt động thực hiện, vận hành và chấm dứt dây hộ. Với vai trò này, chủ hộ được quy định có nhiều nghĩa vụ như: Thông báo cho các thành viên về nơi cư trú mới trong trường hợp có sự thay đổi; thông báo đầy đủ về số lượng dây hộ; phần hộ, kỳ mở hộ; số lượng thành viên của từng dây hộ mà mình đang làm chủ hộ cho người muốn gia nhập dây hộ; giao các phần hộ cho thành viên lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở hộ; nộp thay phần hộ của thành viên nếu đến kỳ mở hộ mà có thành viên không góp phần hộ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Ngoài những nghĩa vụ trên, chủ hộ còn có các nghĩa vụ khác như: Để các thành viên xem, sao chụp sổ hộ và cung cấp các thông tin liên quan đến dây hộ khi có yêu cầu; gửi thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP⁴; các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 12⁵ và Điều 13⁶ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP; các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Khi chủ hộ vi phạm các nghĩa vụ của mình, họ phải chịu các trách nhiệm pháp lý do luật quy định. Theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP: *“Trường hợp đến kỳ mở hộ mà chủ hộ không giao các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ thì chủ hộ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau:*

1. Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này.

⁴ Khoản 1 Điều 14. Thông báo về việc tổ chức dây hộ: *“Chủ hộ phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về việc tổ chức dây hộ khi thuộc một trong các trường hợp sau:*

a) Tổ chức dây hộ có giá trị các phần hộ tại một kỳ mở hộ từ 100 triệu đồng trở lên;

b) Tổ chức từ hai dây hộ trở lên”.

⁵ Khoản 1 Điều 12. Sổ hộ: *“Chủ hộ phải lập và giữ sổ hộ, trừ trường hợp có thỏa thuận về việc một thành viên lập và giữ sổ hộ. Trường hợp dây hộ không có chủ hộ thì các thành viên thỏa thuận giao cho một thành viên lập và giữ sổ hộ”.*

⁶ Điều 13. Giấy biên nhận: *“Khi góp hộ, lĩnh hộ, nhận lãi, trả lãi hoặc thực hiện giao dịch khác có liên quan thì thành viên có quyền yêu cầu chủ hộ hoặc người lập và giữ sổ hộ cấp giấy biên nhận về việc đó”.*

2. Trả lãi đối với số tiền chậm giao cho thành viên được lĩnh hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này.

3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây hộ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

4. Bồi thường thiệt hại (nếu có)”.

Theo quy định trên, trách nhiệm pháp lý của chủ hộ nếu đến kỳ mở hộ mà chủ hộ không giao các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ bao gồm:

Thứ nhất, thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, cụ thể: Chủ hộ có trách nhiệm tiếp tục giao các phần hộ cho thành viên lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở hộ và nộp thay phần hộ của thành viên nếu đến kỳ mở hộ mà có thành viên không góp phần hộ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Đây chính là trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 352 BLDS năm 2015: *“Khi bên có nghĩa vụ thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên có quyền được yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ”.* Với trách nhiệm pháp lý này, quyền lợi của thành viên được lĩnh hộ tại kỳ mở hộ được bảo đảm.

Thứ hai, trả lãi đối với số tiền chậm giao cho thành viên được lĩnh hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP. Như vậy, bên cạnh phần hộ mà chủ hộ phải tiếp tục trả cho người lĩnh hộ thì chủ hộ còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả được xác định theo thời gian trả quá hạn.

Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định vấn đề trả lãi của chủ hộ như sau:

(i) Trường hợp đến kỳ mở hộ mà chủ hộ không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

(ii) Lãi suất phát sinh do chậm góp hoặc chậm giao phần hộ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất 20%/năm của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 10%/năm của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả.

Như vậy, quy định trên đã xác định rõ cách tính lãi chậm trả nếu chủ hộ chậm giao phần hộ cho người lĩnh hộ và lãi suất để tính lãi. Theo đó, công thức tính lãi do chủ hộ không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hộ

cho thành viên được lĩnh họ được xây dựng như sau:

Lãi đối với phần họ chưa giao = Phần họ chưa giao x lãi suất theo thoả thuận (không vượt quá 20%/năm)/ hoặc 10% (nếu không có thoả thuận về lãi suất) x thời gian chậm giao.

Để hiểu hơn về cách tính lãi đối với phần họ mà chủ họ chưa giao, có thể xem xét ví dụ cụ thể sau đây: Đến 01/5/2020 là ngày A được lĩnh họ, tuy nhiên chủ họ không giao tiền họ cho A số tiền là: 20.000.000 đồng. Một năm sau, chủ họ mới giao tiền họ cho A. Giữa chủ họ và A không có thoả thuận về vấn đề trả lãi khi chủ họ chậm giao tiền. Theo quy định của luật, chủ họ phải trả cho A số tiền lãi trong thời gian chậm trả 01 năm là: $20.000.000 \times 10\% \times 1 = 2.000.000$ đồng. Như vậy, đến hạn trả họ cho A nhưng chủ họ không trả mà quá hạn 01 năm mới trả được thì chủ họ phải trả cho A 20.000.000 đồng phần họ và 2.000.000 đồng tiền lãi do chậm giao.

Quy định về cách thức tính lãi này tương đồng với cách thức tính lãi chậm trả trong hợp đồng vay nói chung. Điều này hoàn toàn phù hợp bởi bản chất của họ vì họ chính là hợp đồng vay tài sản.

Thứ ba, chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thoả thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 BLDS năm 2015.

Khi chủ họ chậm giao phần họ cho thành viên lĩnh họ, chủ họ phải chịu nhiều hậu quả pháp lý bất lợi khác nhau. Bên cạnh việc phải tiếp tục giao phần họ, trả lãi cho thành viên lĩnh họ, chủ họ còn có thể chịu thêm một khoản phạt vi phạm.

Về vấn đề phạt vi phạm đối với chủ họ, điều kiện phạt cũng như những vấn đề pháp lý khác được áp dụng theo quy định tại Điều 418 BLDS năm 2015. Cụ thể, phạt vi phạm là sự thoả thuận giữa các bên trong hợp đồng; theo đó, bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm. Như vậy, cả trong Nghị định số 19/2019/NĐ-CP và BLDS năm 2015 đều đã ghi nhận rõ ràng về điều kiện áp dụng chế tài phạt vi phạm đối với chủ họ đó là phải có sự thoả thuận giữa những người tham gia dây họ về việc phạt chủ họ nếu chủ họ chậm giao phần họ. Ngược lại, những người tham gia dây họ không thoả thuận về vấn đề phạt vi phạm đối với chủ họ

thì chủ họ không phải chịu loại trách nhiệm này.

Mặc dù khoản 3 Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP đã quy định điều kiện áp dụng chế tài phạt vi phạm đối với chủ họ, nhưng quy định này còn chung chung nên tạo ra nhiều cách hiểu chưa thống nhất: *Quan điểm thứ nhất*: Để áp dụng chế tài phạt vi phạm khi chủ họ chậm giao phần họ thì chủ họ và tất cả các thành viên trong dây họ bắt buộc phải có một thoả thuận thống nhất về vấn đề phạt vi phạm trong dây họ. Giả sử trong dây họ có 30 thành viên hay 100 thành viên thì tất cả những thành viên này đều phải có thoả thuận thống nhất về việc phạt vi phạm chủ họ nếu chủ họ giao chậm phần họ. *Quan điểm thứ hai*: Trong dây họ có nhiều thành viên, trong số đó, nếu thành viên nào thoả thuận về phạt vi phạm với chủ họ thì khi chủ họ vi phạm với thành viên đó thì chủ họ mới phải chịu phạt. Còn những thành viên khác không có thoả thuận về việc phạt vi phạm với chủ họ thì khi chủ họ chậm giao phần họ cho thành viên đó, họ không có quyền phạt chủ họ. Giả sử như trong dây họ có 10 thành viên, khi tham gia dây họ, thành viên M thoả thuận rõ với chủ họ nếu chủ họ không giao đúng và đầy đủ phần họ cho M thì phải chịu phạt 5.000 đồng/ngày (tính từ thời điểm chậm giao phần họ tại kỳ mở họ). Các thành viên còn lại trong dây họ không thoả thuận về vấn đề phạt. Như vậy, trong trường hợp chủ họ vi phạm với M thì chủ họ phải chịu phạt theo thoả thuận. Còn trường hợp chủ họ vi phạm với các thành viên còn lại thì không có cơ sở để phạt chủ họ vì không có thoả thuận phạt đối với các thành viên đó.

Việc có nhiều cách hiểu khác nhau về chế tài phạt vi phạm với chủ họ sẽ gây ra khó khăn trên thực tiễn trong quá trình thực hiện dây họ, đặc biệt ở nước ta tồn tại rất nhiều dây họ. Đồng thời, trong quá trình giải quyết tranh chấp liên quan đến các dây họ, việc hiểu không thống nhất chế tài phạt vi phạm đối với chủ họ sẽ tạo ra nhiều lúng túng, bất đồng cho các cơ quan có thẩm quyền.

Dưới góc độ nghiên cứu, tác giả cho rằng việc lý giải theo quan điểm thứ hai phù hợp hơn bởi những lý do sau đây:

- Đối với các hợp đồng, thường các thành viên ký kết và tham gia hợp đồng cùng một thời điểm. Ngược lại, trong dây họ, không phải tất cả các thành viên tham gia dây họ đều cùng một thời điểm mà có thành viên tham gia

dây họ từ đầu và có những thành viên tham gia dây họ sau đó tại nhiều thời điểm khác nhau. Bởi vậy, việc yêu cầu tất cả các thành viên trong dây họ và chủ họ cùng có một thỏa thuận thống nhất về vấn đề phạt vi phạm chủ họ nếu chủ họ chậm giao phần họ là không phù hợp và khả thi. Vì vậy, đối với nội dung liên quan đến phạt vi phạm của chủ họ thì mỗi thành viên có quyền thỏa thuận riêng với chủ họ. Theo đó, thành viên nào có thỏa thuận với chủ họ về việc phạt vi phạm thì thành viên đó có quyền phạt chủ họ và ngược lại, nếu giữa thành viên trong dây họ và chủ họ không có thỏa thuận về việc phạt vi phạm thì thành viên đó cũng không được quyền phạt chủ họ nếu chủ họ chậm giao phần họ.

- Họ là loại giao dịch tập hợp một số lượng lớn các thành viên tham gia, có những dây họ số lượng thành viên lên tới hàng trăm người. Do đó, yêu cầu phải có một thỏa thuận thống nhất của tất cả các thành viên trong dây họ về vấn đề phạt vi phạm là điều không hợp lý, bởi điều này sẽ tạo ra khó khăn cho các thành viên trong dây họ. Trong khi đó, pháp luật được ghi nhận dựa trên nguyên tắc bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các chủ thể trong xã hội nên phương thức bắt buộc phải có một thỏa thuận thống nhất giữa tất cả thành viên trong dây họ về việc phạt vi phạm đối với chủ họ là không khả thi.

- Cách hiểu tất cả các thành viên trong dây họ phải có thỏa thuận thống nhất với chủ họ về vấn đề phạt vi phạm đã vô hình chung hạn chế quyền tự do hợp đồng của các thành viên trong dây họ. Bởi lẽ, mỗi một thành viên trong dây họ có quyền lựa chọn và quyết định việc phạt hay không phạt chủ họ nếu chủ họ chậm giao phần họ cho thành viên đó.

- Pháp luật hợp đồng cả Việt Nam và thế giới đều thừa nhận tự nguyện và thỏa thuận là những nguyên tắc cốt lõi để xác lập, thực hiện hợp đồng. Vậy nên, giữa thành viên của dây họ và chủ họ hoàn toàn được quyền thỏa thuận về các nội dung liên quan đến dây họ, miễn sao các thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Từ các phân tích trên, tác giả kiến nghị bổ sung khoản 3 Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP như sau: "Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự. Thỏa thuận phạt vi phạm có thể được xác lập giữa tất cả các thành viên trong dây họ hoặc giữa một, một số thành viên trong dây

họ và chủ họ".

Bên cạnh vấn đề phạt vi phạm đối với chủ họ, mức phạt khi chủ họ chậm giao phần họ cũng được xem xét. Vấn đề này áp dụng khoản 2 Điều 418 BLDS năm 2015 như sau: "*Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác*". Như vậy, BLDS không giới hạn mức phạt mà để cho các bên trong hợp đồng quyết định, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác. Theo quy định này, mức phạt đối với chủ họ khi chậm giao phần họ không bị giới hạn mà hoàn toàn phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên.

Thứ tư, bồi thường thiệt hại (nếu có). Chủ họ chỉ phải chịu phạt vi phạm nếu có sự thỏa thuận giữa chủ họ và thành viên. Khi đó, chế tài bồi thường áp dụng với chủ họ khi có thiệt hại thực tế xảy ra cho thành viên trong dây họ; có hành vi vi phạm nghĩa vụ của chủ họ: Chủ họ không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ; hành vi vi phạm của chủ họ là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại cho thành viên trong dây họ. Như vậy, chế tài bồi thường được áp dụng đối với chủ họ mà không cần điều kiện phải có thỏa thuận trước đó. Khoản bồi thường thiệt hại mà thành viên lĩnh họ được nhận do việc chậm giao phần họ của chủ họ là những lợi ích mà lẽ ra thành viên trong dây họ sẽ được hưởng do việc tham gia dây họ mang lại. Thành viên trong dây họ còn có thể yêu cầu chủ họ chi trả chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ mà không trùng lặp với mức bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà hợp đồng mang lại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật dân sự năm 2005 và 2015;
2. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về Họ, họ, biểu, phường;
3. Trần Văn Biên (Viện Nhà nước và Pháp luật), *Họ, họ, biểu, phường trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Quá khứ và hiện tại*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3, Tiểu ban Pháp luật Việt Nam;
4. Phạm Ngọc Bình, "*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải quyết tranh chấp nợ họ tại tỉnh Trà Vinh*" (2017), Báo cáo tổng kết Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Trà Vinh;
5. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam tập 2*, Nxb Từ điển bách khoa.